

Bản án số: 230/2024/DS-ST
Ngày 11-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Hoàng Mai.

Ông Đặng Khoa Thi.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:* Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 615/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 229/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 511/TB-TA, ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP H2 (M).

Địa chỉ trụ sở chính: Số E, đường N, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của M là ông Nguyễn Lê Anh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số A T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Thường trú: Số A, hẻm T, Khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền ông Trần Anh H1, sinh năm 1983, cùng địa chỉ với bà Nguyễn Thị Ngọc H, theo Giấy ủy quyền ngày 09/01/2024 (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Anh H1, sinh năm 1983 (có mặt).

- + Bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1982 (vắng mặt).
 - + Ông Trần Anh D1, sinh năm 1994 (vắng mặt).
 - + Trần Anh T1, sinh năm 2012. Do ông H1, bà D là cha mẹ đại diện theo pháp luật (vắng mặt).
 - + Trần Bảo A, sinh năm 2015. Do ông H1, bà D là cha mẹ đại diện theo pháp luật (vắng mặt).
- Địa chỉ: số A, hẻm T, Khóm D, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Lê Anh T đại diện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H2 trình bày:

- Ký kết hợp đồng tín dụng: Ngân hàng TMCP H2 với bà Nguyễn Thị Ngọc H ký Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 01709/2022/HĐCV/RB ngày 26/8/2022 và thẻ Tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng. Vay số tiền 1.300.000.000 đồng; thời gian vay: 120 tháng; mục đích vay để hoàn vốn cho khách hàng mua bất động sản tại địa chỉ phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (thửa đất 174, tờ bản đồ số 22); lãi suất vay là 11% năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn;

- Biện pháp bảo đảm tiền vay: Ngày 26/8/2022, Ngân hàng TMCP H2 (M) – Chi nhánh C – P1 với bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký kết Hợp đồng thế chấp số: 1527/2022/HĐTC. Theo đó, tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền, diện tích: 102,2m², thửa đất số 174; tờ bản đồ số 22, loại đất ODT, số vào sổ cấp GCN CS044910 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp ngày 12/4/2022, đất tọa lạc tại phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Thực hiện hợp đồng: Ngày 27/8/2022, MSB đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền 1.300.000.000 đồng và thẻ tín dụng 20.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tính đến ngày 11/7/2024 bà H còn nợ MSB số tiền 1.521.214.924 đồng. Trong đó:

Đối với Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 01709/2022/HĐCV/RB ngày 26/8/2022: Nợ gốc: 1.255.132.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 236.340.526 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9.631.352 đồng, tổng cộng: 1.501.103.878 đồng

Đối với thẻ tín dụng: nợ gốc là 11.413.523 đồng; nợ lãi là 6.776.342 đồng; lãi nợ phí là 1.921.181 đồng; tổng cộng vốn, lãi là 20.111.046 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng TMCP H2 toàn bộ số tiền tạm tính từ ngày 11/7/2024 là 1.501.103.878 đồng và 20.111.046 đồng.

Kể từ ngày 12/7/2024, bà Nguyễn Thị Ngọc H còn phải có trách nhiệm vụ thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo hạn mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 01709/2022/HĐCV/RB ngày 26/8/2022 và thẻ Tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc H không trả nợ, không đầy đủ, thì Ngân hàng TMCP H2 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 1527/2022/HĐTC ngày 26/8/2022 để thu hồi nợ vay.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H do ông Trần Anh H1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất có ký các hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày, thống nhất số nợ còn lại, thống nhất tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 1527/2022/HĐTC ngày 26/8/2022 như Ngân hàng trình bày. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị gia hạn thời gian trả nợ là 02 tháng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là: bà Vũ Thị Kim D, ông Trần Anh D1 vắng mặt không lý do không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, việc xin gia hạn thời gian trả nợ được thực hiện ở giai đoạn thi hành án. Và yêu cầu bị đơn phải chịu mọi chi phí tố tụng.

Ông Trần Anh H1 là đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về số tiền còn nợ. Thống nhất việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là không chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Xét, Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bà Nguyễn Thị Ngọc H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên MSB yêu cầu trả toàn bộ vốn, lãi và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín

dụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà MSB với bà H ký kết đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, có công chứng, có đăng ký giao dịch bảo đảm, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch, khi bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, MSB yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ. Tại thời điểm thế chấp căn nhà cấp 4 gắn liền với đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ trên phần đất có một căn nhà mua lại từ chủ cũ, không sửa chữa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp, nhưng dành quyền ưu tiên cho bà H mua lại phần đất gắn liền căn nhà cấp 04 nêu trên.

Đề nghị đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ; Hợp đồng thế chấp; Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS04910; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Giấy ủy quyền; Biên bản xác minh....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng tín dụng; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa không lý do lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc H có ký với Ngân hàng TMCP H2 các Hợp đồng tín dụng để vay số tiền 1.300.000.000 đồng và Thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng. Bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết trong các Hợp đồng tín dụng dẫn đến nợ quá hạn. Đến ngày 11/7/2024 bà H còn nợ MSB tổng cộng vốn, lãi của các hợp đồng tín dụng là 1.521.214.924 đồng. Nay MSB yêu cầu bà H phải trả toàn bộ số tiền vốn, lãi và tiếp tục trả lãi phát sinh trên vốn gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp

đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi trả xong khoản nợ. Ngoài ra, MSB còn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp để thu hồi vốn, lãi trong trường hợp bà H không trả được nợ.

[2.1] Xét Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 01709/2022/HĐCV/RB ngày 26/8/2022 và thẻ Tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: các Hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, nội dung, hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 94 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích, bên cho vay có kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Do vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết làm phát sinh nợ quá hạn nên MSB yêu cầu thanh toán vốn, lãi và tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi trả xong toàn bộ vốn, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại 280 của Bộ luật Dân sự 2015, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp số: 1527/2022/HĐTC ngày 26/8/2022, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, có công chứng và có đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại khoản 2 Điều 119, khoản 2 Điều 292, Điều 298, Điều 317 và Điều 323 của Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013 và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số: 102/2017/NĐ-CP, ngày 01/9/2017 của Chính Phủ quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, Ngân hàng yêu cầu trường hợp bà H không trả được vốn, lãi thì được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Tuy nhiên, diện tích 102,2m² mà bà Nguyễn Thị Ngọc H thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01709/2022/HĐCV/RB ngày 26/8/2022, hiện có căn nhà của Nguyễn Thị Ngọc H, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu căn nhà, Hội đồng xét xử dành cho H quyền ưu tiên mua diện tích đất 102,2m² thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 22, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04910, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 12/4/2022.

[2.4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 800.000 đồng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ nên bà H phải chịu, MSB đã tạm ứng đủ, nên bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho M.

[3] Về án phí:

Lẽ ra bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 57.636.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà H có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy bà H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí, nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho bà H.

Với yêu cầu được chấp nhận MSB không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, khoản 2 Điều 292, Điều 298, Điều 317, Điều 323 và Điều 398 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Án lệ số 11/2017/AL, ngày 14/12/2017;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP H2 đối với bà Nguyễn Thị Ngọc H:

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP H2 số tiền:

+ Đối với Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 01709/2022/HĐCV/RB ngày 26/8/2022: Nợ gốc: 1.255,132,000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 236.340.526 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9.631.352 đồng, tổng cộng: 1.501.103.878 đồng.

+ Đối với thẻ tín dụng: nợ gốc là 11.413.523 đồng; nợ lãi: 6.776.342 đồng; lãi nợ phí 1.921.181 đồng; tổng cộng: 20.111.046 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số 01709/2022/HĐCV/RB ngày 26/8/2022 và thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng, kể từ ngày 12/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị Ngọc H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP H2 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1527/2022/HĐTC để xử lý thu hồi nợ cho MSB.

2. Dành cho bà Nguyễn Thị Ngọc H quyền ưu tiên mua quyền sử dụng đất diện tích 102,2m² thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 22, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CS04910, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc H ngày 12/4/2022.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP H2 số tiền 800.000 đồng.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H được miễn toàn bộ án phí.

- Ngân hàng TMCP H2 được nhận lại 26.940.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001281 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hoàng Mai Đặng Khoa Thi

Lê Thị Hồng Thi

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Châu Phú, ngày 26 tháng 01 năm

2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh T2, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T3, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc P

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi B; Ông Huỳnh Công T4

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh T2 được ly hôn với chị Phan Thị T3: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh T2 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình Huỳnh Công T5

Ngô Ngọc P